

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ LONG KHÁNH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ LONG KHÁNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LONG KHANH CONSTRUCTION & TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110756790

3. Ngày thành lập: 19/06/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 47 ngách 64/40 đường Liên Kết, Thôn Cát Thuế, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0962.618.238

Fax:

Email: congtylongkhanh2024@gmail.com Website: congtylongkhanh2024.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
2.	Sản xuất khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất , lắp ráp phương tiện , thiết bị phòng cháy và chữa cháy.	3290
3.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
4.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
5.	Xây dựng nhà để ở	4101
6.	Xây dựng nhà không để ở	4102
7.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
8.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
9.	Phá dỡ (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4311
10.	Chuẩn bị mặt bằng (Loại trừ hoạt động nổ mìn)	4312
11.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
12.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
13.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
14.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
15.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4610

16.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649
17.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659(Chính)
19.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
20.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
21.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
22.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
23.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
24.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
26.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
27.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
28.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
29.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
30.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
31.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
32.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
33.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
34.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
35.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
36.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
37.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
38.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
39.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
40.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
41.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
42.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
43.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
44.	Sản xuất rượu vang	1102
45.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104

46.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
47.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
48.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
49.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
50.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
51.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
52.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
53.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
54.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
55.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
56.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
57.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
58.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
59.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
60.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
61.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
62.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
63.	Xây dựng công trình thủy	4291
64.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
65.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
66.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh)	4773
67.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
68.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
69.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
70.	Bốc xếp hàng hóa	5224
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Kinh doanh dịch vụ Logistics; Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu.	5229
72.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
73.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
74.	Đại lý du lịch	7911
75.	Điều hành tua du lịch	7912
76.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
77.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220

78.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
79.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
80.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Bán buôn xe có động cơ khác	4511
81.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
82.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Loại trừ hoạt động đấu giá	4513
83.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ trang thiết bị y tế	4772
84.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020

6. **Vốn điều lệ:** 3.500.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THIÊN DƯ	Việt Nam	Số nhà 47 ngách 64/40 đường Liên Kết, Thôn Cát Thuế, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.820.000.000	52,000	001091026305	
2	NGUYỄN THIÊN TOÀN	Việt Nam	Số nhà 2 ngách 23/64 đường Liên Kết, Thôn Cát Thuế, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.680.000.000	48,000	001081004197	

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

* Họ và tên: NGUYỄN THIÊN DU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/05/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001091026305

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 47 ngách 64/40 đường Liên Kết, Thôn Cát Thuế, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 47 ngách 64/40 đường Liên Kết, Thôn Cát Thuế, Xã Vân Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội